

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 364/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

GÓNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5 Ngày: 07/01/2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô (sau đây gọi chung là phí sử dụng đường bộ) và trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp đối với xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ.

2. Nghị định này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí sử dụng đường bộ và các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Điều 2. Đối tượng chịu phí và người nộp phí

1. Xe ô tô theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được cấp chứng nhận đăng ký xe, gắn biển số xe và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận kiểm định) theo quy định của pháp luật là đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ, trừ các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

Chưa thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp chứng nhận đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu phương tiện xe ô tô hoặc tổ chức, cá nhân khác được chủ sở hữu chuyển giao quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện xe ô tô (sau đây gọi chung là chủ xe) thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều này là người nộp phí sử dụng đường bộ, trừ các trường hợp miễn phí theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 3. Các trường hợp không chịu phí

1. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau:

a) Xe bị hư hỏng không sử dụng được; xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Xe bị tịch thu; xe bị tạm giữ trong thời gian từ 30 ngày trở lên.

c) Xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên.

d) Xe của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) hoặc xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và cấp Tem kiểm định theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng) chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng.

Xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại khoản này là xe chỉ sử dụng trong phạm vi: Trung tâm sát hạch lái xe; nhà ga; cảng; khu khai thác khoáng sản; khu nuôi trồng, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản; công trường xây dựng giao thông, thủy lợi, năng lượng; khu vui chơi, giải trí, thể thao, di tích lịch sử; bệnh viện; trường học.

đ) Xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên.

e) Xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe.

2. Chủ xe có xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí theo quy định tại khoản 1 Điều này đã nộp phí thì được trả lại hoặc bù trừ với số phí phải nộp của kỳ sau. Hồ sơ, thủ tục xác định xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quân đội, công an.

Điều 4. Các trường hợp miễn phí

Miễn phí sử dụng đường bộ đối với người nộp phí cho các loại xe ô tô sau:

1. Xe cứu thương.

2. Xe chữa cháy.

3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ, gồm:

a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ, bao gồm: xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác.

b) Xe liên quan phục vụ tang lễ là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ có chứng nhận đăng ký xe mang tên doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ, bao gồm: xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục vụ tang lễ có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ gửi cơ sở đăng kiểm khi kiểm định xe, trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại.

4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng là xe mang biển số nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng, bao gồm: xe xi téc, xe cần cầu, xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe vận tải có mui che và

được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, xe kiểm soát, xe kiểm tra quân sự, xe chuyên dùng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn, xe thông tin vệ tinh và các xe ô tô đặc chủng khác phục vụ quốc phòng.

5. Xe chuyên dùng của các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức của công an nhân dân bao gồm:

a) Xe cảnh sát giao thông có in dòng chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” ở hai bên thân xe.

b) Xe cảnh sát 113 có in dòng chữ “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe.

c) Xe cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe.

d) Xe vận tải có lắp ghế ngồi trong thùng xe của lực lượng công an nhân dân làm nhiệm vụ.

đ) Xe chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn và các xe chuyên dùng khác của Bộ Công an.

e) Xe đặc chủng, bao gồm: xe thông tin vệ tinh, xe chống đạn, xe phòng chống khủng bố, chống bạo loạn và các xe đặc chủng khác của Bộ Công an.

Điều 5. Tổ chức thu phí

1. Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của lực lượng quân đội, công an.

2. Các cơ sở đăng kiểm thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam, trừ xe ô tô của lực lượng quân đội, công an quy định tại khoản 1 Điều này. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng hợp số phí thu được của các cơ sở đăng kiểm, kê khai, nộp phí theo quy định.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Mức thu phí

Mức thu phí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.

Điều 7. Tính, khai, thu và nộp phí

1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam, trừ xe ô tô của lực lượng quân đội, công an quy định tại khoản 2 Điều này.

a) Đối với xe ô tô kiểm định lần đầu hoặc được miễn kiểm định lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ là từ ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm định. Đối với xe ô tô cải tạo, thời điểm tính mức phí thay đổi (nếu có) là từ ngày xe được cấp Chứng nhận cải tạo. Đối với xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) khi chuyển đổi loại hình từ xe không hoạt động kinh doanh vận tải sang hoạt động kinh doanh vận tải và ngược lại, thời điểm tính mức phí thay đổi là từ ngày cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ.

b) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định từ 01 năm trở xuống, chủ xe thực hiện nộp phí cho cả chu kỳ kiểm định theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn nộp phí theo chu kỳ kiểm định, chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho chu kỳ kiểm định tiếp theo.

c) Đối với xe ô tô có chu kỳ kiểm định 24 tháng hoặc 36 tháng, chủ xe thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ theo 12 tháng hoặc nộp cho cả chu kỳ kiểm định theo hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn nộp phí theo năm hoặc chu kỳ kiểm định, chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định và nộp phí cho thời gian tiếp theo.

d) Trường hợp chủ xe đến kiểm định xe ô tô trước hoặc sau thời gian theo chu kỳ kiểm định quy định, cơ sở đăng kiểm kiểm tra xe và tính số tiền phí nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ xe có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ kiểm định). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp được tính bằng số ngày lẻ chia (:) 30 ngày nhân (x) với mức phí của 01 tháng.

đ) Trường hợp chủ xe chưa nộp phí của các chu kỳ kiểm định trước theo thời hạn quy định thì ngoài số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ xe còn phải nộp số tiền phí chưa nộp của các chu kỳ kiểm định trước. Cơ sở đăng kiểm tính và thực hiện truy thu số tiền phí phải nộp của các chu kỳ kiểm định trước (số tiền phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng nhân (x) với thời gian chưa nộp phí).

e) Trường hợp chủ xe đề nghị nộp phí cho thời gian dài hơn chu kỳ kiểm định, cơ sở đăng kiểm tính và thực hiện thu phí theo yêu cầu của chủ xe.

g) Đối với xe ô tô được thanh lý, phát mại (có nguồn gốc từ xe ô tô bị tịch thu, bị thu hồi bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; xe ô tô của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (mang biển kiểm soát màu xanh); xe ô tô của lực lượng quân đội, công an, trừ xe ô tô mang biển số xe có sê ri "KT"; xe ô tô thế chấp bị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

thu hồi theo quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm) thì chủ xe mới (sau khi xe đã được cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô theo chủ mới) chỉ phải nộp phí từ thời điểm mang xe đi kiểm định để lưu hành. Khi kiểm định lưu hành, chủ xe phải xuất trình cho cơ quan đăng kiểm các giấy tờ liên quan như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi của cấp có thẩm quyền; Văn bản thông báo thu hồi, biên bản bàn giao tài sản thế chấp; Quyết định cho phép thanh lý tài sản đối với các tài sản thuộc sở hữu của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng quân đội, công an; Biên bản hoặc hợp đồng thực hiện hoàn tất thủ tục mua tài sản được bán thanh lý, bán đấu giá.

Trường hợp xe ô tô được thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm chủ xe mới đi kiểm định lại để lưu hành thì chủ xe mới nộp phí tính từ thời điểm nối tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.

h) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp phí theo năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm xe ô tô) đến cơ sở đăng kiểm và thực hiện nộp phí theo năm dương lịch đối với các xe ô tô của mình. Hằng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ xe phải đến cơ sở đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo.

i) Khi chuyển quyền sở hữu xe ô tô, chủ xe cũ và chủ xe mới tự thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ theo quy định của pháp luật về dân sự. Trường hợp chủ xe cũ và chủ xe mới không thỏa thuận về quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ, chủ xe mới được kế thừa toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ đối với nhà nước về phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô nhận chuyển quyền.

k) Trong trường hợp cơ sở đăng kiểm phát hiện việc thu sai mức phí hoặc nhầm loại xe ô tô, cơ sở đăng kiểm phải liên hệ với chủ xe để thu bổ sung nếu thu thiếu hoặc trả lại phí nếu thu thừa cho chủ xe. Cơ sở đăng kiểm và chủ xe lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này để làm cơ sở thu bổ sung hoặc trả lại phí.

2. Đối với xe ô tô của lực lượng quân đội, công an: Phí sử dụng đường bộ nộp theo năm theo mức thu phí quy định tại điểm 2 và điểm 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp xe ô tô của lực lượng quân đội, công an sau khi thanh lý trở thành xe dân sự thì áp dụng mức thu phí theo quy định tại điểm 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này kể từ khi xe được cấp biển số xe mới.

3. Người nộp phí thực hiện nộp phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí; hoặc nộp theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản của tổ chức thu phí.

b) Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí, áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền phí thu được vào tài khoản của tổ chức thu phí trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí.

4. Tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Khai, nộp và quyết toán phí của Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đăng kiểm Việt Nam:

a) Chậm nhất ngày 20 hằng tháng, Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện khai, nộp toàn bộ số tiền phí thu được bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo quy định.

b) Chậm nhất ngày 20 hằng tháng, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện khai, nộp toàn bộ số tiền phí thu được bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

c) Hằng năm, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quyết toán số phí thu được theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 8. Quản lý và sử dụng phí

1. Cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe nộp hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí thực hiện trả lại hoặc bù trừ số tiền phí sử dụng đường bộ đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này (nếu có).

2. Cơ sở đăng kiểm được trích để lại một phần hai mươi tám phần trăm (1,28%) số tiền phí thu được sau khi trả lại hoặc bù trừ số tiền phí sử dụng đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều này để trang trải chi phí cho tổ chức thu phí theo quy định.

a) Trường hợp cơ sở đăng kiểm áp dụng cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của cơ sở đăng kiểm. Cơ sở đăng kiểm thực hiện khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

b) Trường hợp cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở đăng kiểm quản lý, sử dụng số tiền phí được trích để lại theo quy định tại Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí

và lệ phí.

3. Cơ sở đăng kiểm chuyển toàn bộ số tiền phí thu được còn lại sau khi trừ số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ theo quy định tại khoản 1 Điều này và số tiền phí được trích để lại theo quy định tại khoản 2 Điều này vào tài khoản chuyên thu phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam trong thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

Hàng năm, gửi báo cáo quyết toán thu phí sử dụng đường bộ trong năm về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 năm sau.

Điều 9. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp đối với xe ô tô thuộc các trường hợp không chịu phí

1. Các trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp

a) Chủ xe quy định tại điểm a, điểm b (trường hợp xe bị tịch thu) và điểm d (trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng) khoản 1 Điều 3 Nghị định này được trả lại phí đã nộp nếu đã nộp phí.

b) Chủ xe quy định tại điểm b (trường hợp xe bị tạm giữ), điểm c, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này được bù trừ phí đã nộp vào số phí phải nộp của kỳ sau nếu đã nộp phí.

Số phí được trả lại hoặc bù trừ là số phí mà chủ xe đã nộp cho thời gian xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Hồ sơ xác định xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp

a) Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với tất cả các trường hợp được trả lại hoặc bù trừ số phí đã nộp.

b) Bản sao Quyết định hoặc Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

c) Bản sao Quyết định hoặc Biên bản tịch thu phương tiện đối với trường hợp xe ô tô bị tịch thu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

d) Bản sao Quyết định hoặc Biên bản tạm giữ phương tiện và Biên bản bàn giao tài sản sau khi bị tạm giữ đối với trường hợp xe ô tô bị tạm giữ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

đ) Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu

số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

e) Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

g) Bản sao Giấy phép liên vận hoặc văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ; bản sao Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Hải quan cửa khẩu đã làm thủ tục tạm xuất và tái nhập đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

h) Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an và Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ xe đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

Khi nộp hồ sơ, đối với các bản sao quy định tại khoản này, chủ xe xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc. Trường hợp nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thì thực hiện theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3. Thẩm quyền xác định các trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp: Cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe nộp hồ sơ xác định các trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp.

4. Trình tự thực hiện xác định xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này

a) Chủ xe nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ sở đăng kiểm theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

b) Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc dịch vụ bưu chính cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ.

d) Chậm nhất là 03 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 3 Nghị định này chậm nhất là 01 ngày làm

việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Cơ sở đăng kiểm thực hiện trả lại hoặc bù trừ phí cho chủ xe theo thông tin tại Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ ngay trong ngày ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ.

Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ là căn cứ để cơ sở đăng kiểm kê khai, quyết toán số tiền phí đã trả lại hoặc bù trừ vào số tiền phí phải nộp kỳ sau.

5. Trình tự thực hiện xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này

a) Chủ xe nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực cho cơ sở đăng kiểm theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính (01 bản). Trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định bị mất, hỏng không đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn. Đối với xe chưa nộp đủ phí sử dụng đường bộ tính đến thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông thì chủ xe phải nộp bổ sung.

b) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và các giấy tờ kèm theo, cơ sở đăng kiểm đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông với dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật và thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ, lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp hoặc trả lại hồ sơ theo một trong các hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính cho chủ xe trong trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp.

c) Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Khi chủ xe có nhu cầu tham gia giao thông trở lại, chủ xe đưa xe ô tô đến cơ sở đăng kiểm để thực hiện kiểm định, đồng thời nộp lại Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định.

6. Trình tự thực hiện xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không

sử dụng đường dành cho giao thông công cộng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định này

a) Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (03 bản đối với trường hợp nộp hồ sơ giấy) theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này (sau đây gọi chung là Đơn xin xác nhận) cho Sở Xây dựng địa phương nơi quản lý phương tiện theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính.

Trong quá trình hoạt động nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, chủ xe làm Đơn xin xác nhận bổ sung gửi Sở Xây dựng theo thủ tục nêu trên.

b) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng trả lại Đơn xin xác nhận để chủ xe hoàn thiện.

c) Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận cho cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe đưa xe đến kiểm định trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày được Sở Xây dựng xác nhận theo một trong các hình thức sau: trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính (01 bản).

d) Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định) theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng.

đ) Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ.

Đồng thời, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp xe đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định thì được trả lại số tiền phí đã nộp hoặc cơ sở đăng kiểm tính và thu phí đến ngày

cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định đối với trường hợp xe chưa nộp phí tính đến ngày xin xác nhận xe không tham gia giao thông.

Cơ sở đăng kiểm thực hiện trả lại phí cho chủ xe theo thông tin tại Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ ngay trong ngày ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ.

e) Trường hợp chủ xe đề nghị cho phép xe ô tô tham gia giao thông trên đường dành cho giao thông công cộng (từ trường hợp không chịu phí sang chịu phí), chủ xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định lại, nộp phí để được tham gia giao thông. Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho xe ô tô kể từ ngày chủ xe đến đăng ký tham gia giao thông trở lại, thời gian thực hiện 01 ngày làm việc.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Đối với các trường hợp đã nộp phí qua thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà có sự thay đổi mức thu phí theo quy định tại Nghị định này thì được áp dụng mức thu phí mới kể từ kỳ nộp phí tiếp theo.
4. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Căn cứ số phí sử dụng đường bộ dự kiến thu được theo năm kế hoạch, lập dự toán thu phí và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Xây dựng, gửi Bộ Tài chính cùng thời điểm thảo luận dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở đăng kiểm trên toàn quốc dự kiến số thu phí sử dụng đường bộ, thống nhất phương thức thực hiện để làm cơ sở lập dự toán, tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền và triển khai nhiệm vụ thu phí đến từng cơ sở đăng kiểm trên cả nước.

c) Chỉ đạo việc xây dựng, thống nhất quản lý, cấp quyền khai thác, hướng dẫn sử dụng Chương trình quản lý thu phí sử dụng đường bộ để các cơ sở đăng kiểm thực hiện nhiệm vụ thu phí, quản lý thu, nộp, trả lại phí đối với các phương tiện đến đăng kiểm (gồm: tạo biên lai thu phí; lập Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ; lập Biên bản xử lý việc thu sai mức phí; lập Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định); quản lý cơ sở dữ liệu về thu; cung cấp thông tin cho chủ xe, các cơ sở đăng kiểm và cơ quan chức năng về việc nộp phí và ngừng tham gia giao thông của xe.

d) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý thu, nộp, trả lại hoặc bù trừ phí, báo cáo kết quả thu phí sử dụng đường bộ; đôn đốc, kiểm tra hoạt động thu phí của các cơ sở đăng kiểm trên cả nước (số thu, số nộp hằng năm) để đảm bảo cơ sở đăng kiểm nộp đầy đủ, đúng hạn số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước; tổ chức thực hiện kiểm tra, quyết toán thu phí đối với các cơ sở đăng kiểm theo quy định.

đ) Chỉ đạo việc xây dựng hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn tổ chức có liên quan truy cập, khai thác dữ liệu điện tử nộp phí sử dụng đường bộ trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến công tác thu phí sử dụng đường bộ trên môi trường điện tử theo quy định.

e) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản thu phí sử dụng đường bộ (nếu có) gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

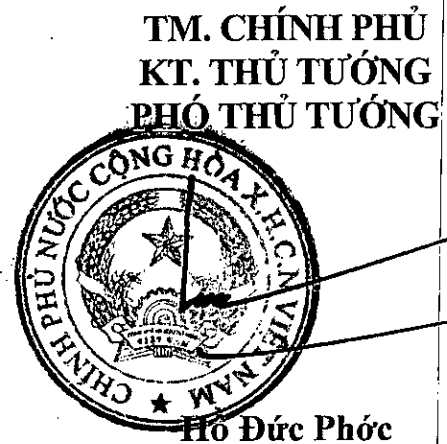
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (b),

70





Phụ lục I

BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

*(Ban hành theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)*

1. Mức thu phí (tư) quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)					
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	24 tháng	36 tháng
1	Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) không hoạt động kinh doanh vận tải.	130	390	780	1.560	3.000	4.320
2	Xe chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) hoạt động kinh doanh vận tải; xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá).	180	540	1.080	2.160	4.150	5.980
3	Xe chở người trên 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến dưới 24 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg.	270	810	1.620	3.240	6.220	8.970
4	Xe chở người từ 24 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến dưới 39 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg.	390	1.170	2.340	4.680	8.990	12.960
5	Xe chở người từ 39 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) trở lên; xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg.	590	1.770	3.540	7.080	13.590	19.610

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)					
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	24 tháng	36 tháng
6	Xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg.	720	2.160	4.320	8.640	16.590	23.930
7	Xe tải, xe chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 27.000 kg đến dưới 40.000 kg.	1.040	3.120	6.240	12.480	23.960	34.570
8	Xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên.	1.430	4.290	8.580	17.160	32.950	47.530

Ghi chú:

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 02 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng theo Biểu nêu trên.
- Mức thu của 01 tháng năm thứ 03 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 36 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng theo Biểu nêu trên.
- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp bằng (=) mức thu 01 tháng nhân (x) với số tháng phải nộp của chu kỳ trước.
- Khối lượng toàn bộ là khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định của phương tiện.
- Chủ xe có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở đăng kiểm phù hiệu (còn hiệu lực) chứng minh là xe buýt vận tải hành khách công cộng hoặc các giấy tờ liên quan đến chứng minh là xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân và được hưởng chính sách trợ giá.

2. Mức thu phí đối với xe của lực lượng quân đội

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe con quân sự	1.000
2	Xe vận tải quân sự	1.500

3. Mức thu phí đối với xe của lực lượng công an

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe từ 7 chỗ ngồi trở lên, xe khách, xe vận tải, xe chuyên dùng	1.500



Phụ lục II

Kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 02	Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định
Mẫu số 03	Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 04	Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 05	Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông
Mẫu số 06	Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng
Mẫu số 07	Biên bản xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ
Mẫu số 08	Biên bản thu Tem kiểm định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

Kính gửi:(tên cơ quan/đơn vị trả lại hoặc bù trừ phí).....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

Tên chủ xe:

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân:

cấp ngày:..... tại:.....

Điện thoại:

Địa chỉ:.....

II. Nội dung đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại hoặc bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí:..... (loại xe, biển số xe).....

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

- Số tiền phí đã nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại hoặc bù trừ:.....

- Lý do đề nghị trả lại hoặc bù trừ:.....

2. Hình thức đề nghị trả phí hoặc bù trừ

a) Bù trừ: ☐

b) Trả lại tiền phí: Tiền mặt: ☐

Chuyển khoản: ☐

Chuyển tiền vào tài khoản số:tại ngân hàng:.....

(hoặc) Người nhận tiền: Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân:

cấp ngày:..... tại:.....

III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1

2

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày.... tháng.... năm ...

BIÊN BẢN
Thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định

Vào hồi giờ.... ngày ... tháng ... năm

Tại cơ sở đăng kiểm xe cơ giới:, địa chỉ:
 điện thoại:

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo.

2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe có biển số:

Ông/Bà:, là chủ xe/lái xe. Số điện thoại:;
 Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân/Giấy phép lái xe:
 cấp ngày....., tại:

Cùng nhau lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định để làm cơ sở xác định thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông và tính trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ, cụ thể:

Ông/Bà đã nộp lại Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định có số sê ri: do ... (cơ sở đăng kiểm)
 cấp ngày: .../.../... có hiệu lực đến ngày .../.../...

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định.

CHỦ XE
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN CƠ SỞ
 ĐĂNG KIỂM**
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
 ĐĂNG KIỂM**
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
 và đóng dấu)

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô;

Căn cứ vào Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ (hoặc đơn đề nghị lưu hành trở lại) ngày .../.../20... kèm theo hồ sơ của:(Tên người nộp phí)....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ cho... (Tên người nộp phí)...

- Tổng số tiền phí là: đồng (bằng chữ:).

- Phương tiện được trả lại hoặc bù trừ: ...(Loại xe, biển số xe hoặc danh sách phương tiện kèm theo)

- Thời gian phương tiện không sử dụng và được trả lại hoặc bù trừ phí: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Lý do trả lại hoặc bù trừ phí:

Hình thức trả lại hoặc bù trừ tiền:

Bù trừ ☐

Trả lại ☐: Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.....(Tên người nộp phí)...., ...(bộ phận liên quan của tổ chức thu phí)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày.... tháng.... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

Cơ sở đăng kiểm nhận được Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ ngày ... tháng ... năm ... của ... (*Tên người nộp phí, mã số thuế*)... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.

Hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí của ...(*Tên người nộp phí*)... không thuộc đối tượng, trường hợp được trả lại hoặc bù trừ phí hoặc có số tiền phí không được trả lại hoặc bù trừ làđồng (bằng chữ:).

Lý do: ...(nêu rõ lý do không được trả lại phí và căn cứ cụ thể).....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với cơ sở đăng kiểm để được giải đáp.

Số điện thoại:

Địa chỉ:

Nơi nhận:

- ...(*Tên người nộp phí*)...;
-
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm ...

ĐƠN XIN TẠM DỪNG THAM GIA GIAO THÔNG

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm.....

Tên chủ xe:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Tôi xin đăng ký tạm dừng tham gia giao thông đối với các xe thuộc sở hữu của tôi/chúng tôi, cụ thể như sau:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1	...	...	...	Từ ngày ... đến ngày ...
2				

Lý do tạm dừng tham gia giao thông:.....

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm ...

ĐƠN XIN XÁC NHẬN
Xe ô tô không tham gia giao thông,
không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

Tên chủ xe:.....

Số đăng ký kinh doanh: cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

1. Đề nghị của chủ xe

Đề nghị Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận xe ô tô thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chỉ sử dụng trong phạm vi:..... để làm căn cứ xác định thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	<i>Ví dụ: Xe tải</i>	<i>14M-1234</i>	<i>Mỏ Than Mông Dương</i>
2			

2. Sở Xây dựng đã kiểm tra và xác nhận các xe ô tô nêu trên là các xe chỉ sử dụng trong phạm vi:.....; theo đúng nội dung đã kê khai. Chủ xe phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và sử dụng xe.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ xe (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi cơ sở đăng kiểm làm thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí), 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

..., ngàytháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ XE
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm ...

BIÊN BẢN

Xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ

Vào hồi giờ..... ngàytháng.....năm

Tại cơ sở đăng kiểm:..... địa chỉ:..... điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo.

2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe có biển số:

Ông/Bà: là chủ xe/lái xe. Số điện thoại:.....

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân/Giấy phép lái xe:.....
 ngày cấp:....., tại:.....

Cùng nhau lập Biên bản này để xác định số phí phải thu bổ sung (hoặc phải hoàn trả) bởi nguyên nhân:.....

Số tiền thu bổ sung (hoặc trả lại) là:.....

Bằng chữ:.....

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu phí.

CHỦ XE

(Ký và ghi rõ họ tên)

NHÂN VIÊN CƠ SỞ

ĐĂNG KIỂM

(Ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm ...

BIÊN BẢN
Thu Tem kiểm định

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Tại cơ sở đăng kiểm:, điện thoại:.....

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo.

2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe:

Ông/Bà:

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....,
cấp ngày:.....tại:.....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thu Tem kiểm định để làm căn cứ xét
phương tiện thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ các phương tiện
sau đây.

STT	Biển số đăng ký	Tem kiểm định		
		Số sê ri	Đơn vị cấp	Thời hạn

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ
sở đăng kiểm thu tem.

CHỦ XE Ô TÔ
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)